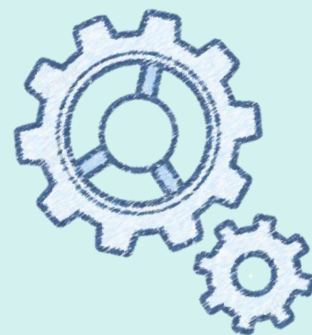
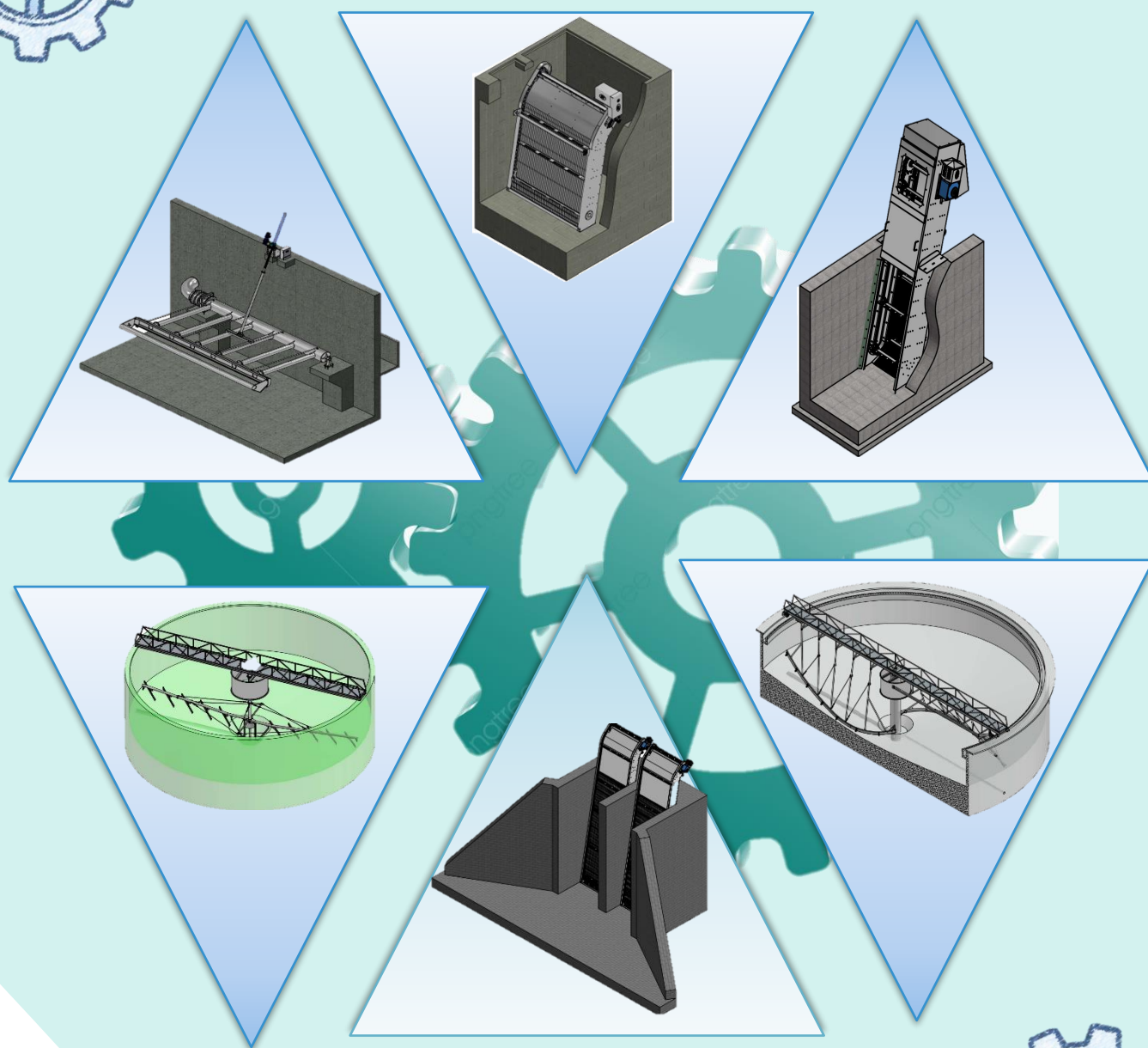
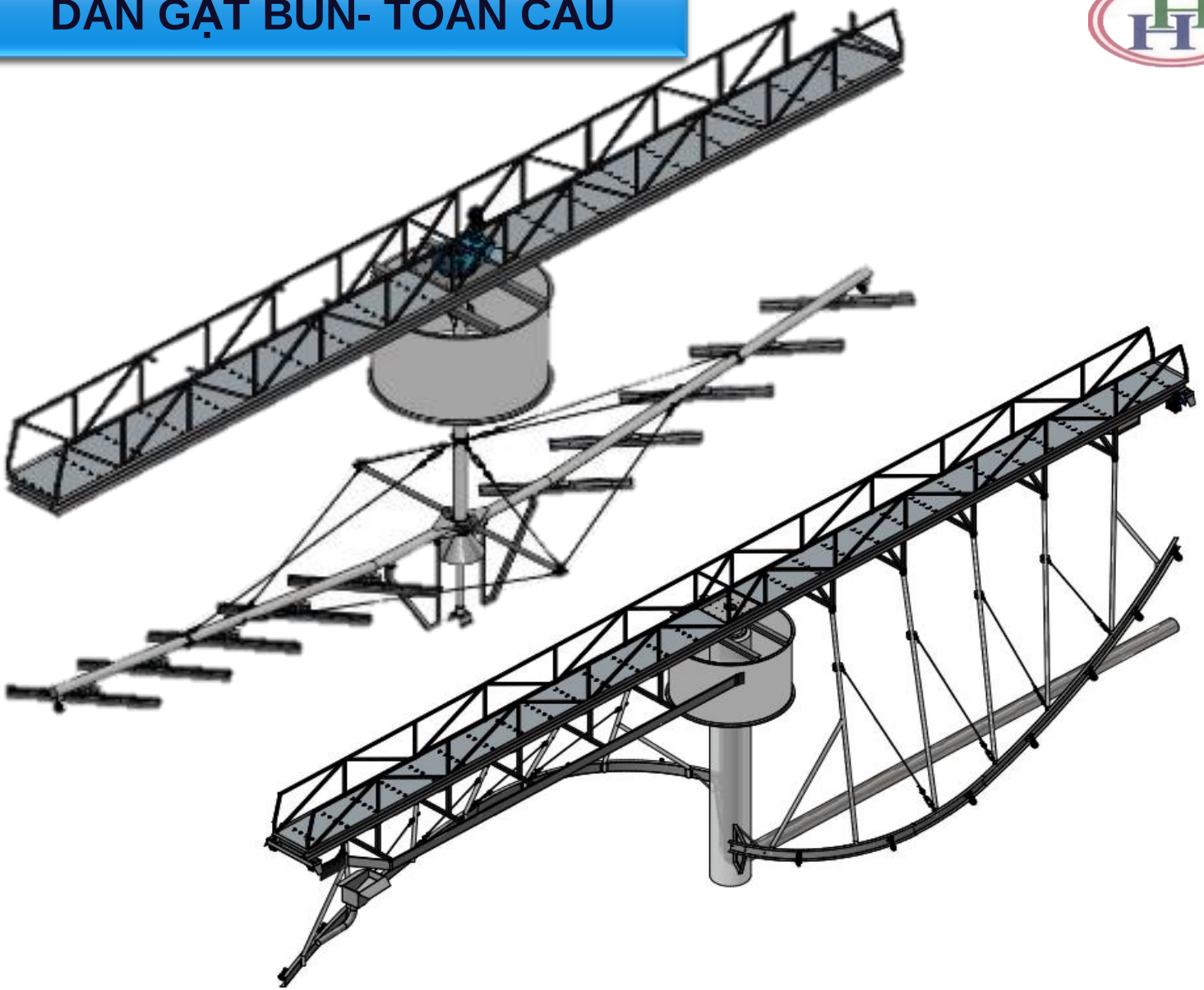




CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ MÔI TRƯỜNG HỒNG HÀ

Địa chỉ: số 15, đường 53, KP. 8, phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP. HCM

Website: <http://cokhihongha.com.vn/> - Hotline: 0908182171



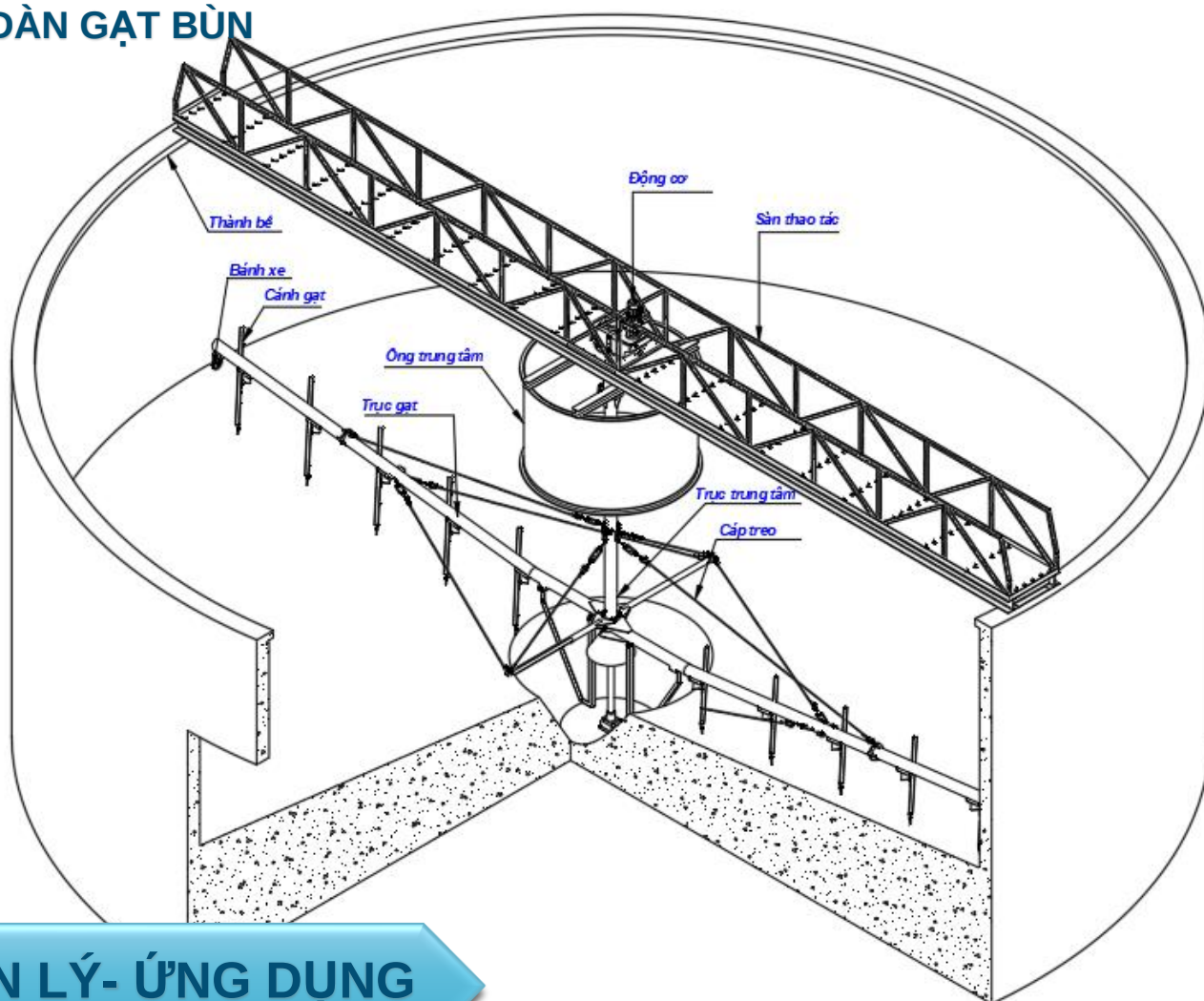
❖ CHỨC NĂNG

- ✓ Sử dụng để gạt bùn trong các bể lắng có công suất vừa và lớn trong hệ thống xử lý nước thải.
- ✓ Thu gom bùn cặn, váng về hố thu một cách nhanh chóng, hiệu quả.

❖ ĐẶC ĐIỂM

- ✓ Chế tạo bằng thép không gỉ có thể dùng trong môi trường nước chứa nhiều thành phần hóa học, tuổi thọ cao, lâu bền.
- ✓ Thiết bị được tính toán chế tạo tỉ mỉ đảm bảo kết cấu và độ chính xác cao.
- ✓ Hoạt động tự động, chi phí bảo trì bảo dưỡng thấp

CẤU TẠO DÀN GẠT BÙN



NGUYÊN LÝ- ỨNG DỤNG

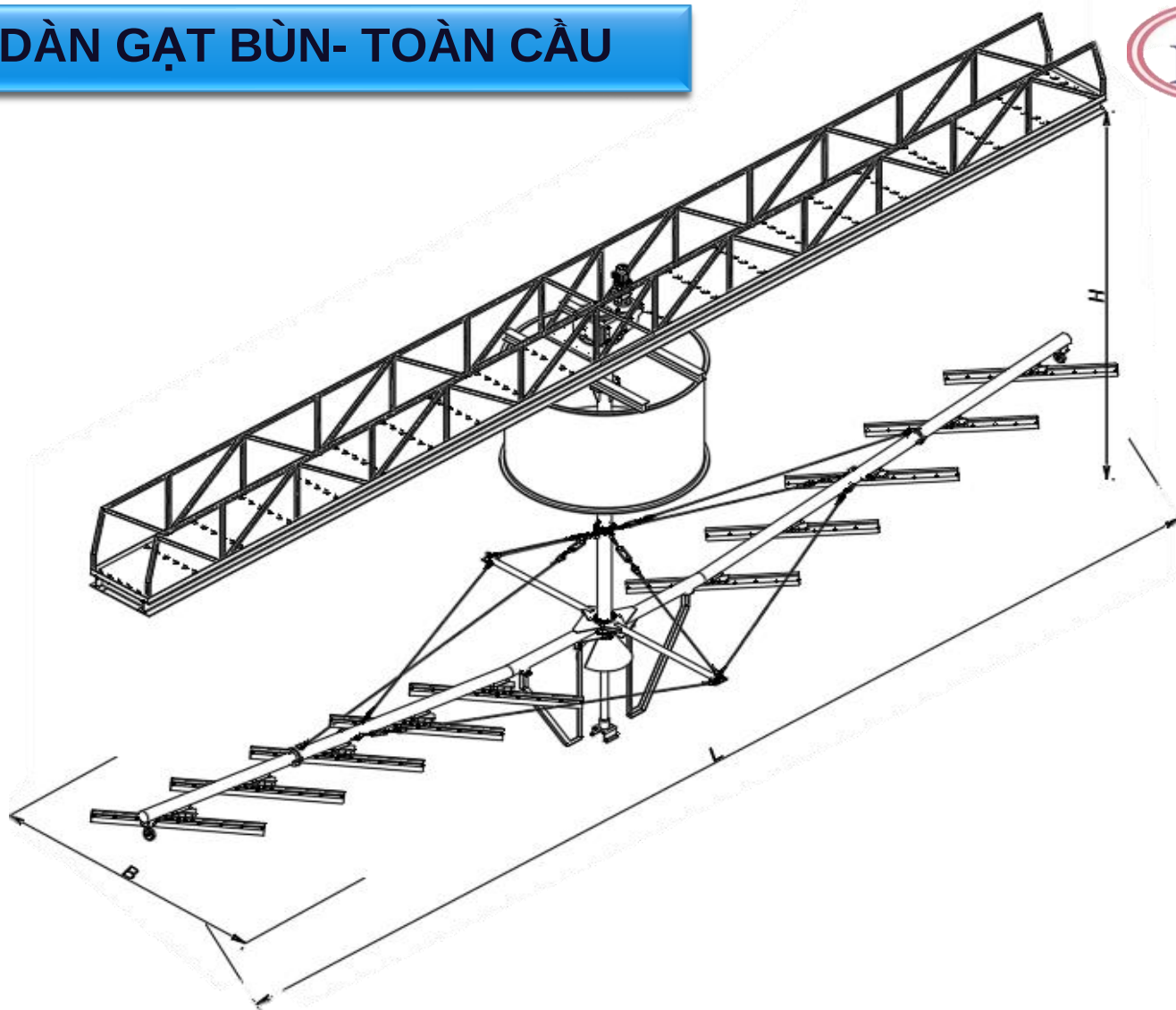
❖ **Nguyên lý hoạt động**: Hệ thống cầu gạt chuyển động 24/24, cùng với sự chuyển động của cầu, các cánh gạt dưới đáy bể gạt bùn trong bể, tập trung về rón thu bùn.

Các bộ phận gạt váng, cánh gạt được cố định trên trục trung tâm gắn tại tâm bể, và xoay tròn 360° để thuận tiện cho việc gạt bùn và dồn bùn về rón thu bùn của bể.

Bùn tập trung tại rón thu bùn và được hút ra ngoài.

❖ **Ứng dụng**: Sử dụng gạt bùn bể lắng công suất vừa và lớn trong hệ thống xử lý nước thải, nước cấp.

DÀN GẠT BÙN- TOÀN CẦU



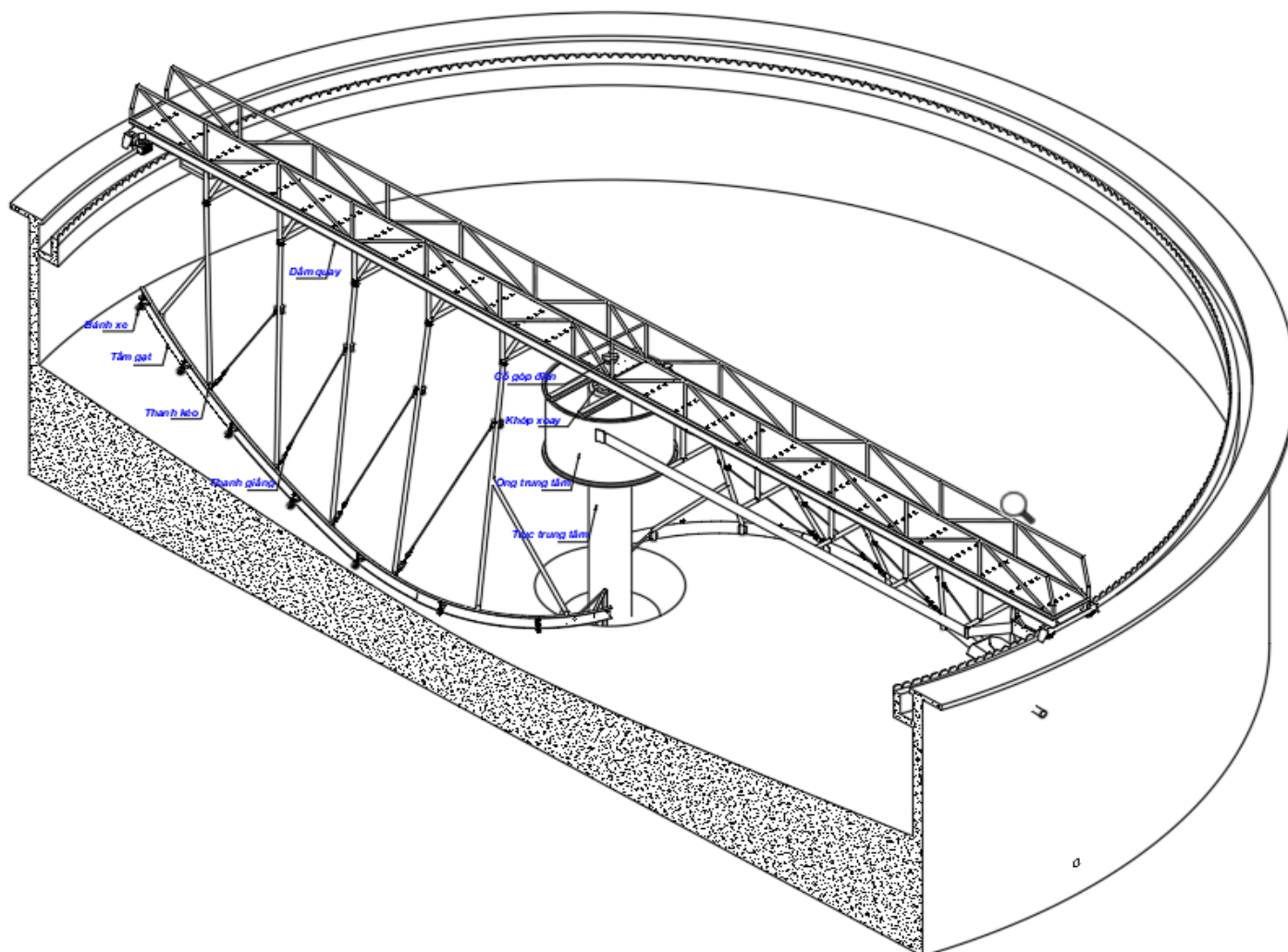
THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG

Vật liệu cánh gạt	SUS304
Vật liệu khung	SUS304
Momen (nM)	2.000- 20.000
Tỉ số truyền (rpm)	0,03 -0,1
Đường kính bể (m)	4-22
Chiều Dài L (m)	3-20
Chiều rộng B (m)	B=25-30%L
Chiều cao H (m)	Phụ thuộc vào kích thước bể

DÀN GẠT BÙN- BÁN CẦU



CẤU TẠO DÀN GẠT BÙN

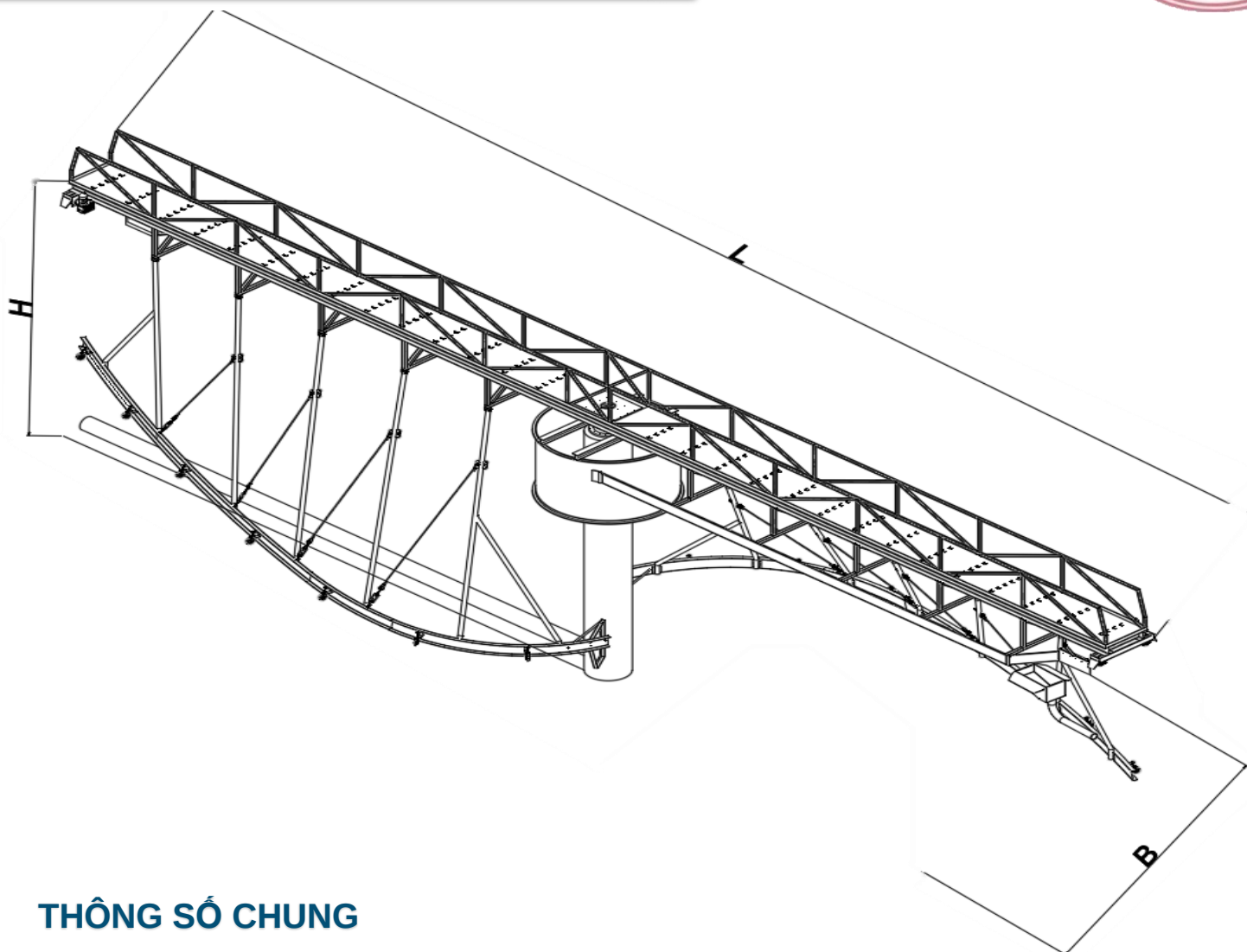


NGUYÊN LÝ- ỨNG DỤNG

❖ **Nguyên lý hoạt động**: Khi motor hoạt động, Các bộ phận cánh gạt được cố định trên trục trung tâm gắn tại tâm bể chuyển động theo, lấy tâm bể làm chuẩn, cánh gạt quay tròn theo góc 360° , cùng với sự chuyển động của cầu các cánh gạt dưới đáy bể gạt bùn trong bể tập trung về rón thu bùn và được hút ra ngoài.

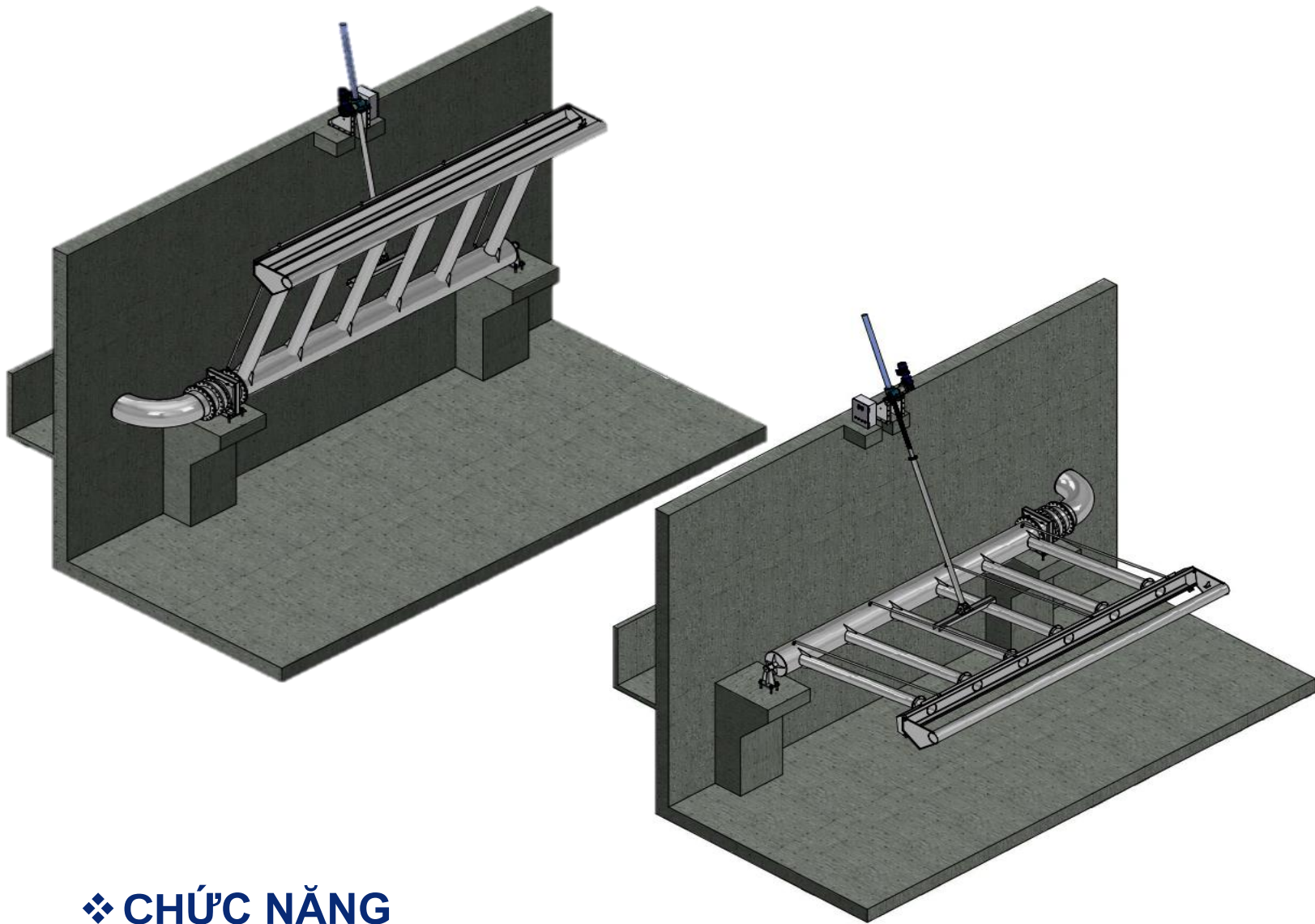
❖ **Ứng dụng**: Sử dụng gạt bùn bể lắng công suất vừa và lớn trong hệ thống xử lý nước thải.

DÀN GẠT BÙN- BÁN CẦU



THÔNG SỐ CHUNG

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG	
Vật liệu cánh	SUS304
Vật liệu khung	SUS304
Momen lực (nM)	500-5.000
Vận tốc gạt	3-4 m/min
Đường kính bể (m)	8- 50
Chiều Dài L	4-25
Chiều rộng B	B=25-30%L
Chiều cao H	Phụ thuộc vào kích thước bể

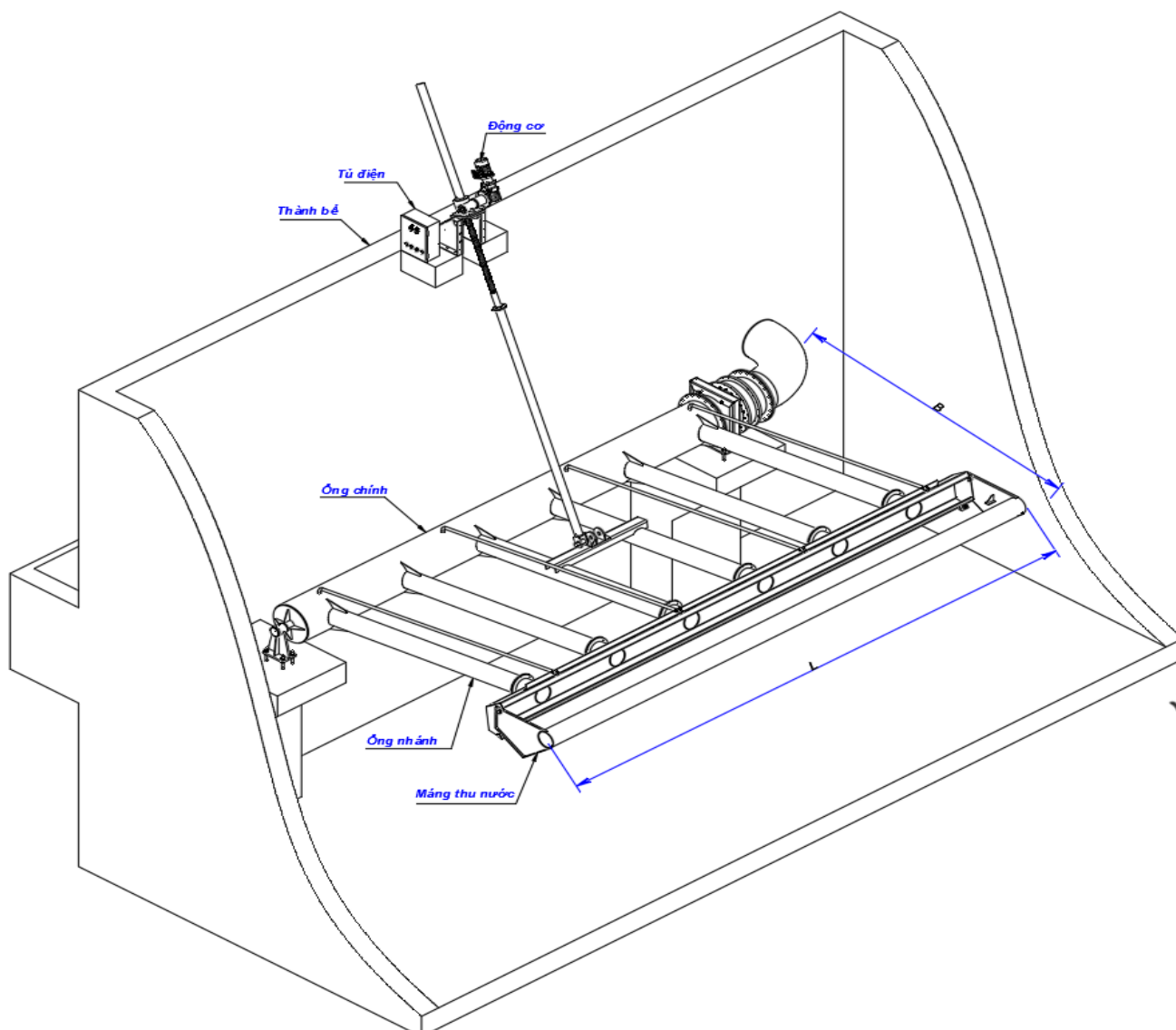


❖ CHỨC NĂNG

- ✓ Sử dụng để thu nước mặt sau khi Bể SBR thực hiện xong pha lắng.

❖ ĐẶC ĐIỂM

- ✓ Được dẫn động bằng động cơ giảm tốc, kết hợp với cảm biến tiệm cận để xác định độ cao mực nước Cao- Thấp, và vị trí dừng cố định khi cần thiết.
- ✓ Được kết nối với bộ điều khiển trung tâm có thể điều khiển bằng tay hoặc tự động quá trình rút nước.
- ✓ Có thể điều khiển tốc độ rút nước và lưu lượng nước nhờ thiết bị biến tần.
- ✓ Dễ dàng vận hành, tiết kiệm điện, tiết kiệm chi phí đầu tư ban đầu đối với những hệ thống xử lý nước thải công suất lớn.



THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG

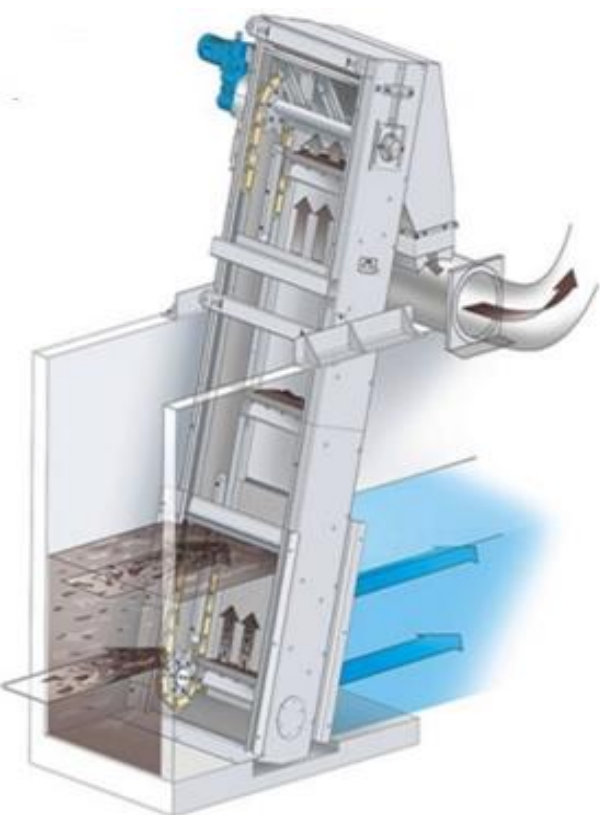
Vật liệu cánh gạt	SUS304
Vật liệu khung	SUS304
Lưu lượng ($\text{m}^3/\text{giờ}$)	200-2.500
Chiều Dài L (m)	4-20
Chiều rộng B (m)	Phụ thuộc vào chiều cao mực nước cần rút
Chiều cao H (m)	Phụ thuộc vào kích thước bể

NGUYÊN LÝ HOẠT

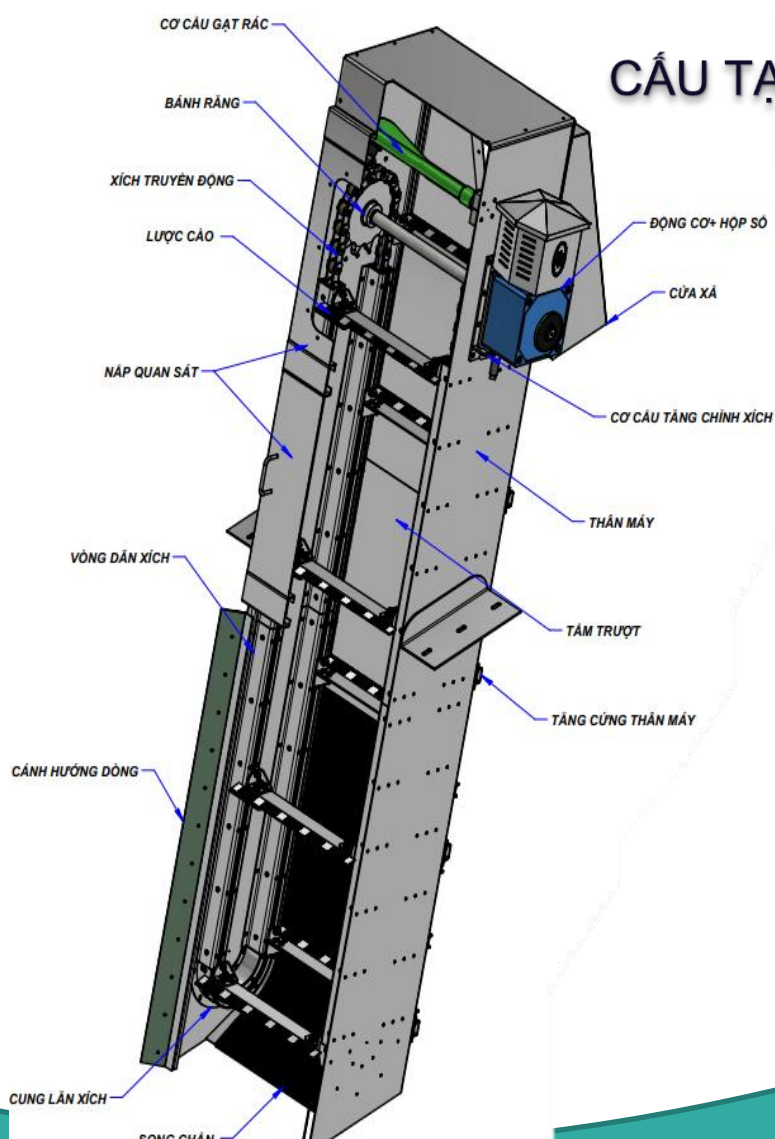
Nước chảy qua các song chắn, các chất rắn thô được bị giữ lại trên bề mặt song chắn. Rác được motor vận chuyển lên mặt nước nhờ các răng lược được gắn vào dây xích cường lực cao. Các răng lược được gia công với khe hở 5-20mm. Rác thải được vận chuyển lên trên qua cửa xả rác và vào sọt chứa rác.

ĐẶC ĐIỂM TÍNH CHẤT

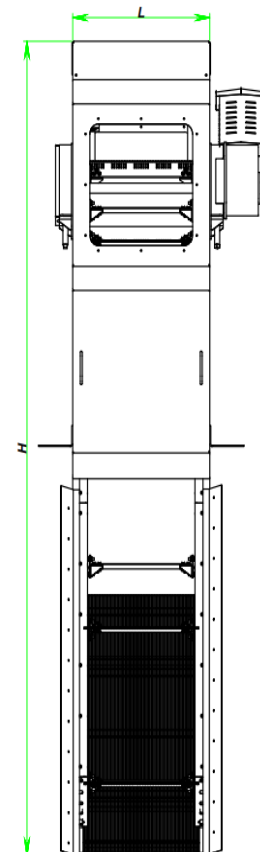
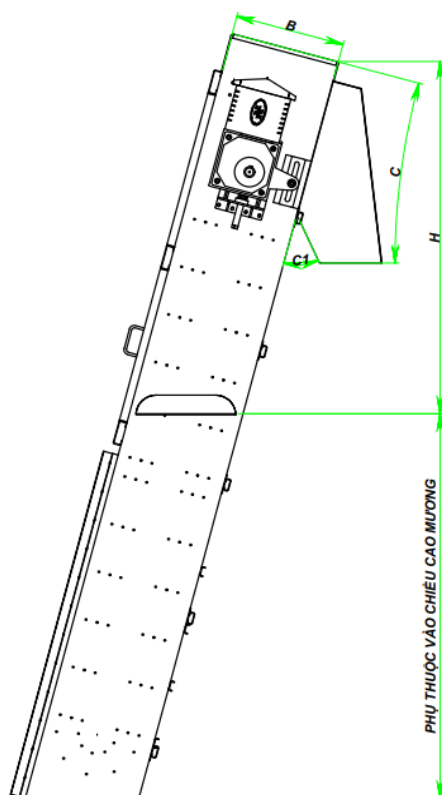
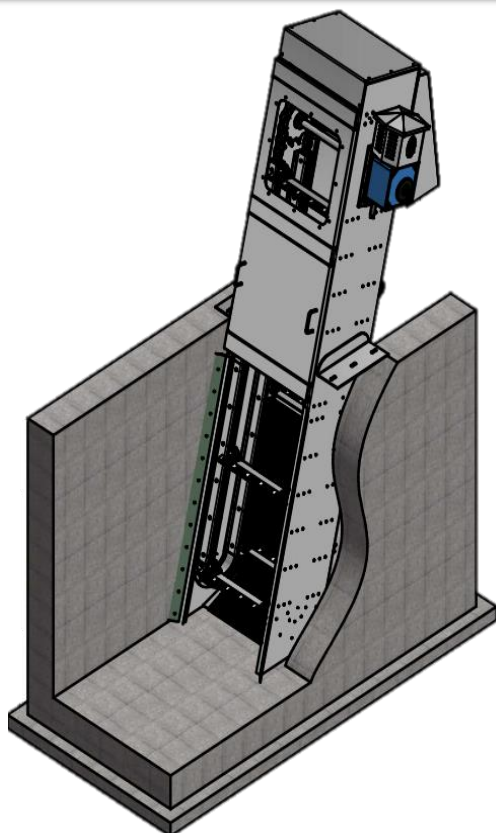
- Hoạt động bền bỉ, công suất cao.
- Với kết cấu thép không rỉ bền bỉ theo thời gian.
- Chế độ tự động làm sạch, đơn giản, dễ vận hành
- Lắp đặt trực tiếp trong các kênh, mương dẫn,...
- Kích thước, công suất động cơ có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng.



CẤU TẠO MÁY



MÁY CÀO RÁC – MƯƠNG DẪN



QUY CÁCH KÝ HIỆU

SCM-05/0,75

Máy tách rác -mương dẫn

Công suất (Kw)

Chiều rộng khe lọc rác (mm)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Model	Khe hở (mm)	Lưu lượng (m ³ /giờ)	Công suất (Kw)	L	B	C1	C2	H1	Vật liệu
SCS-05/0,75	5	30-50	0,75	500	500	40°	900-1000	1800-1900	SUS304
SCS-06/0,75	6	40-60	0,75	700	500	40°	900-1000	1800-1900	SUS304
SCS-07/0,4	7	50-70	0,75	900	500	40°	900-1000	1800-1900	SUS304
SCS-08/0,75	8	60-80	0,75	1100	500	40°	1000-1100	1900-2000	SUS304
SCS-10/0,75	10	80-100	0,75	1300	500	40°	1000-1100	1900-2000	SUS304
SCS-15/0,75	15	90-120	0,75	1500	500	40°	1000-1100	1900-2000	SUS304

MÁY CÀO RÁC – MƯỚNG DẪN



Model	Khe hở (mm)	Lưu lượng (m ³ /giờ)	Công suất (Kw)	L	B	C1	C2	H1	Vật liệu
SCS-02/1,1	5	50-70	1,1	500	520	40°	900-1000	1800-1900	SUS304
SCS-03/1,1	6	60-80	1,1	700	520	40°	900-1000	1800-1900	SUS304
SCS-05/1,1	7	70-90	1,1	900	520	40°	900-1000	1800-1900	SUS304
SCS-10/1,1	8	90-110	1,1	1100	550	40°	1000-1100	1900-2000	SUS304
SCS-15/1,1	10	110-130	1,1	1300	550	40°	1000-1100	1900-2000	SUS304
SCS-20/1,1	15	130-150	1,1	1500	550	40°	1000-1100	1900-2000	SUS304
SCS-02/1,5	2	60-80	1,5	700	520	40°	900-1000	1800-1900	SUS304
SCS-03/1,5	3	70-90	1,5	900	520	40°	900-1000	1800-1900	SUS304
SCS-05/1,5	5	90-110	1,5	1100	520	40°	900-1000	1800-1900	SUS304
SCS-10/1,5	10	110-130	1,5	1300	550	40°	1000-1100	1900-2000	SUS304
SCS-15/1,5	15	130-150	1,5	1500	550	40°	1000-1100	1900-2000	SUS304
SCS-20/1,5	20	150-170	1,5	1600	550	40°	1000-1100	1900-2000	SUS304
SCS-02/2,2	2	70-90	2,2	900	520	40°	900-1000	1800-1900	SUS304
SCS-03/2,2	3	90-110	2,2	1100	520	40°	900-1000	1800-1900	SUS304
SCS-05/2,2	5	110-130	2,2	1300	520	40°	900-1000	1800-1900	SUS304
SCS-10/2,2	10	130-150	2,2	1500	550	40°	1000-1100	1900-2000	SUS304
SCS-15/2,2	15	150-170	2,2	1600	550	40°	1000-1100	1900-2000	SUS304
SCS-20/2,2	20	170-200	2,2	1700	550	40°	1000-1100	1900-2000	SUS304

*Số liệu trên là thông số thực nghiệm trên nước sạch- Giá trị tham khảo

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

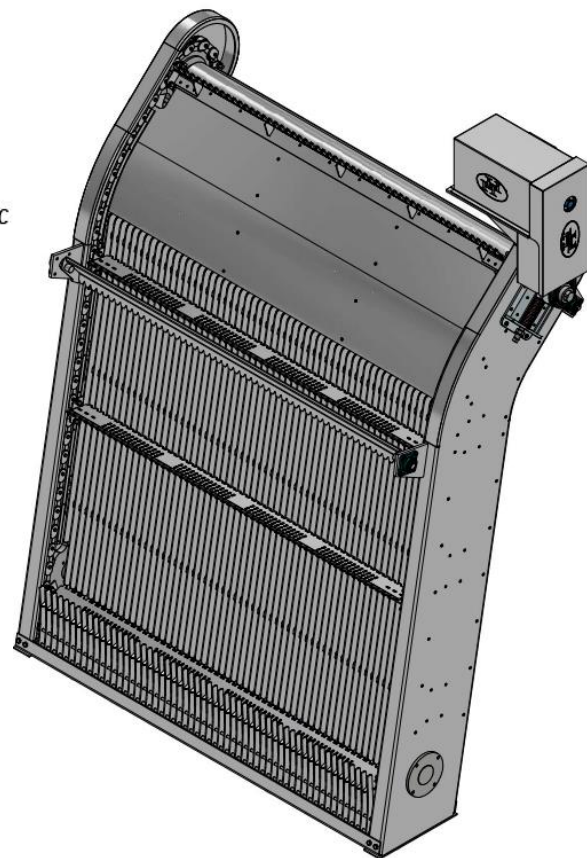
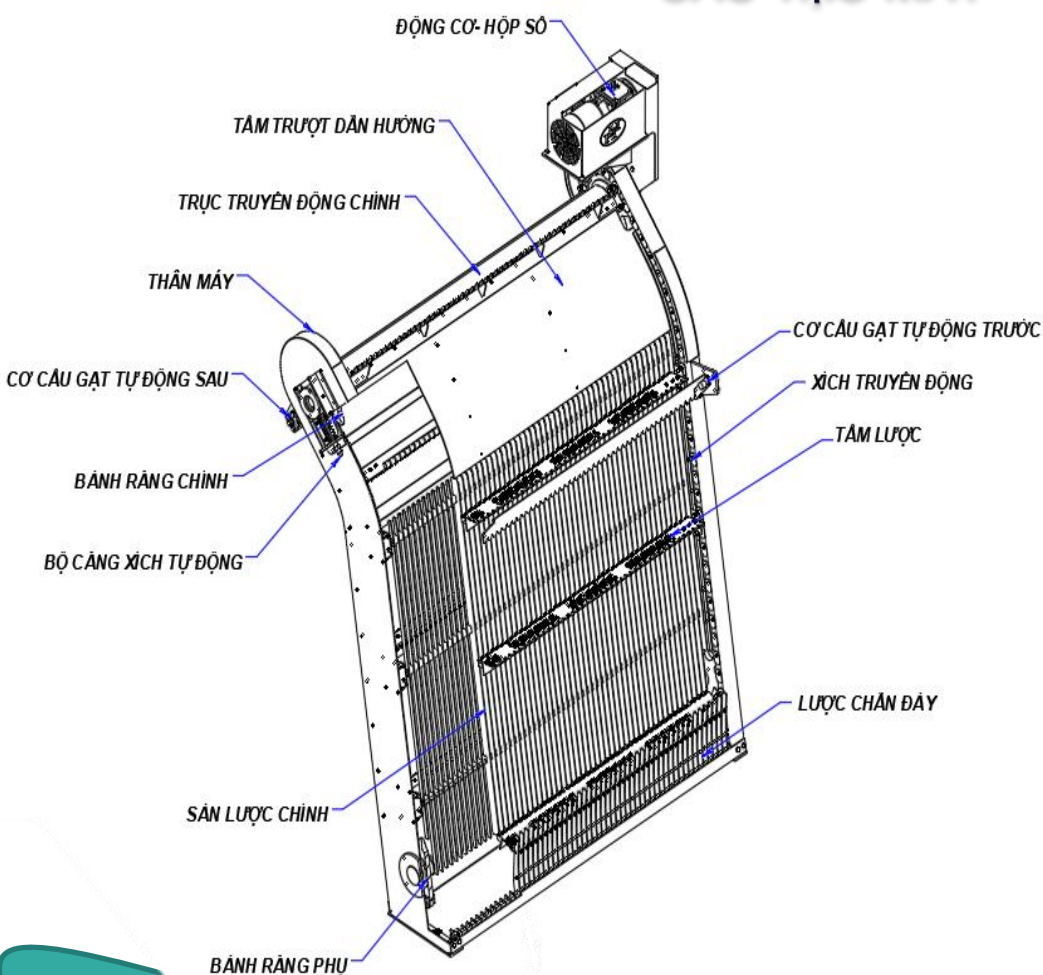
Nước chảy qua các song chắn, các chất rắn thô được giữ lại trên bề mặt song chắn. Rác được các răng lược cào lên mặt nước nhờ. Các răng lược được gia công với khe hở 10-50mm.

Rác thải được vận chuyển lên nhờ băng tải và được đưa ra ngoài.

ĐẶC ĐIỂM TÍNH CHẤT

- Lưu lượng lớn, tốc độ dòng chảy cao.
- Với kết cấu thép không rỉ bền bỉ theo thời gian.
- Chế độ tự động làm sạch, đơn giản, dễ vận hành
- Lắp đặt trực tiếp trong các hầm của trạm bơm, cống hộp, cống thoát nước ra biển,...
- Kích thước máy có thể thay đổi theo kích thước cống.

CẤU TẠO MÁY



MÁY CÀO RÁC – TRẠM BƠM



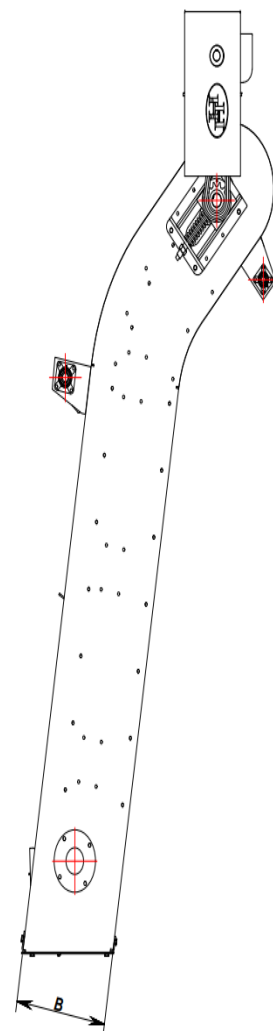
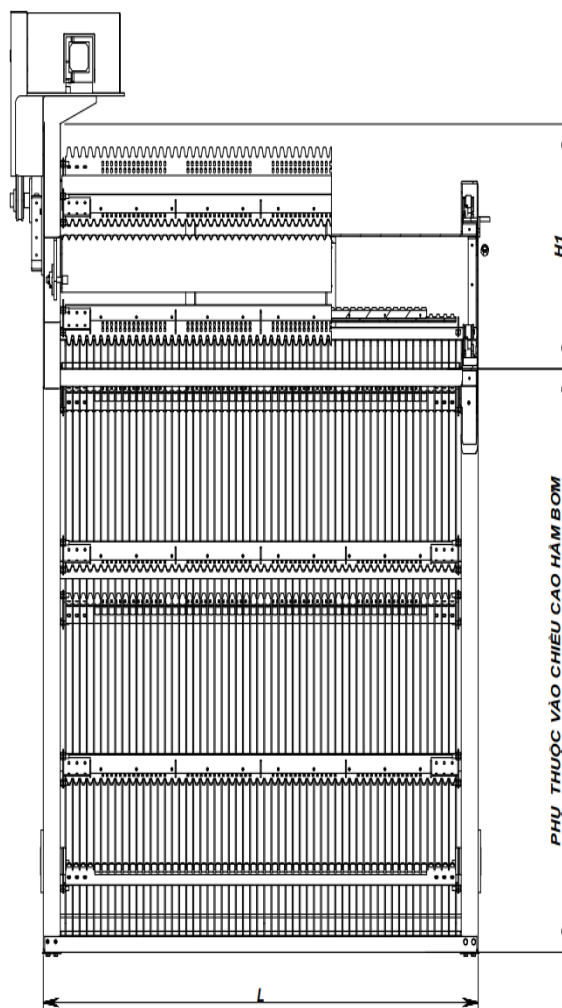
QUY CÁCH KÝ HIỆU

SCS-20/2,2

Máy tách rác - Dòng sông

Công suất (Kw)

Chiều rộng khe lọc rác (mm)



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Model	Khe hở (mm)	Công suất rác (Kg/giờ)	Công suất Motor (Kw)	L	B	H1	Vật liệu
SCS-20/1,5	20	200-300	1,5	1500	480	900-1000	SUS304
SCS-25/1,5	25	300-400	1,5	1600	480	900-1000	SUS304
SCS-30/1,5	30	400-500	1,5	1700	480	900-1000	SUS304
SCS-35/1,5	35	500-600	1,5	1800	480	900-1000	SUS304
SCS-40/1,5	40	700-800	1,5	1900	480	900-1000	SUS304
SCS-50/1,5	50	800-900	1,5	2000	480	900-1000	SUS304

MÁY CÀO RÁC – TRẠM BƠM



Model	Khe hở (mm)	Công suất rác (Kg/giờ)	Công suất Motor (Kw)	L	B	H1	Vật liệu
SCS-20/2,2	20	300-500	2,2	1800	500	900-1000	SUS304
SCS-25/2,2	25	400-600	2,2	1900	500	900-1000	SUS304
SCS-30/2,2	30	500-700	2,2	2000	500	900-1000	SUS304
SCS-35/2,2	35	700-900	2,2	2100	500	900-1000	SUS304
SCS-40/2,2	40	900-1100	2,2	2200	500	900-1000	SUS304
SCS-50/2,2	50	1100-1300	2,2	2300	500	900-1000	SUS304
SCS-30/3,7	30	500-700	3,7	2000	550	1100-1200	SUS304
SCS-35/3,7	35	700-900	3,7	2200	550	1100-1200	SUS304
SCS-40/13,7	40	900-1100	3,7	2400	550	1100-1200	SUS304
SCS-45/13,7	45	1100-1300	3,7	2600	550	1200-1300	SUS304
SCS-50/13,7	50	1300-1600	3,7	3800	550	1200-1300	SUS304
SCS-60/13,7	60	1600-2000	3,7	4000	550	1200-1300	SUS304

*Số liệu trên là thông số thực nghiệm trên nước sạch. Giá trị tham khảo

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

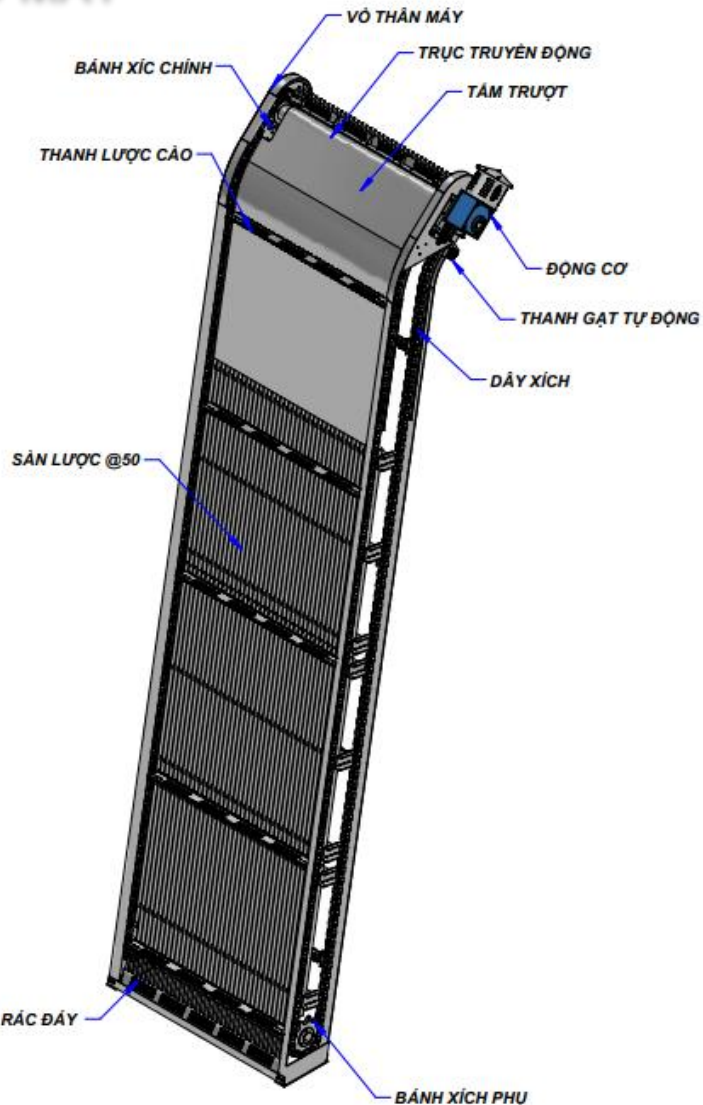
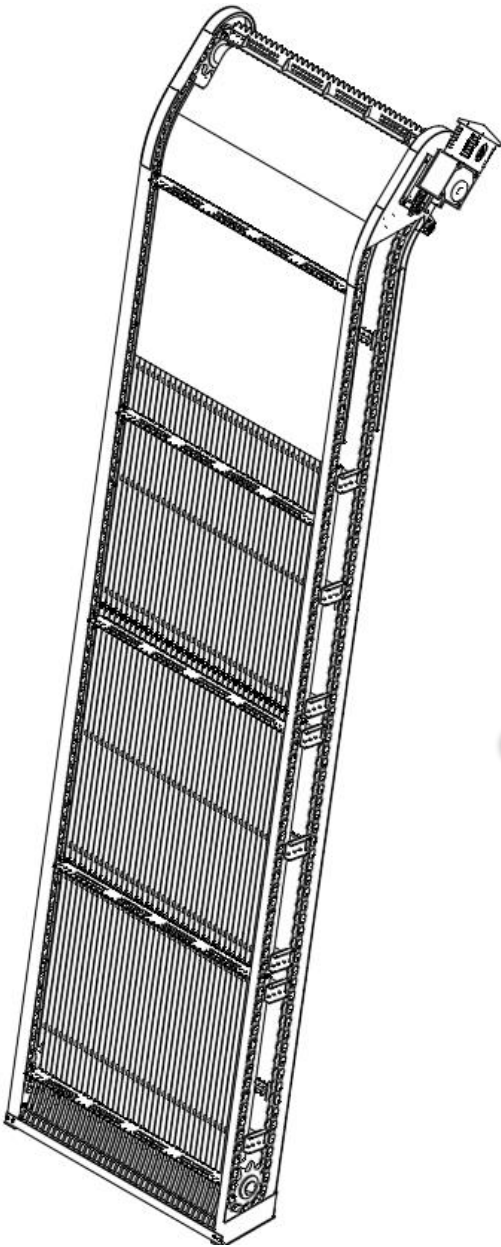
Nước chảy qua các song chắn, các chất rắn thô được bị giữ lại trên bề mặt song chắn. Rác được motor vận chuyển lên mặt nước nhờ các răng lược được gắn vào dây xích cường lực cao. Các răng lược được gia công với khe hở 30-80mm.

Rác thải được vận chuyển lên trên băng chuyền và tải vào nhà thu gom rác.

ĐẶC ĐIỂM TÍNH CHẤT

- Hoạt động bền bỉ, công suất cao.
- Với kết cấu thép không rỉ bền bỉ theo thời gian.
- Chế độ tự làm sạch đường dẫn, xích, đơn giản, dễ vận hành.
- Lắp đặt trực tiếp trong các kênh, dòng sông, đập tràn,...

CẤU TẠO MÁY



QUY CÁCH KÝ HIỆU

SCB-50/2,2

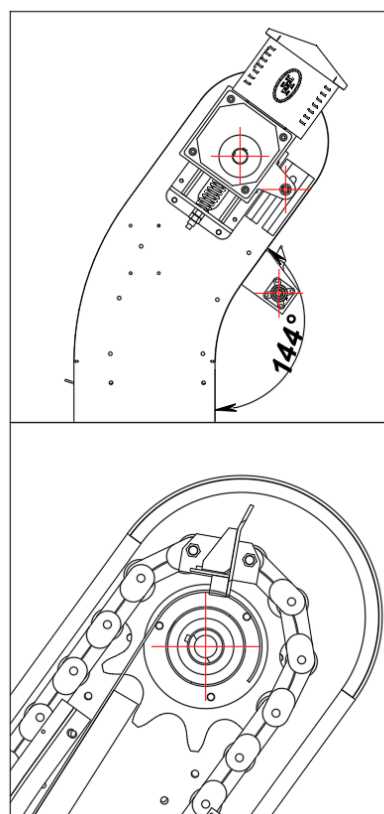
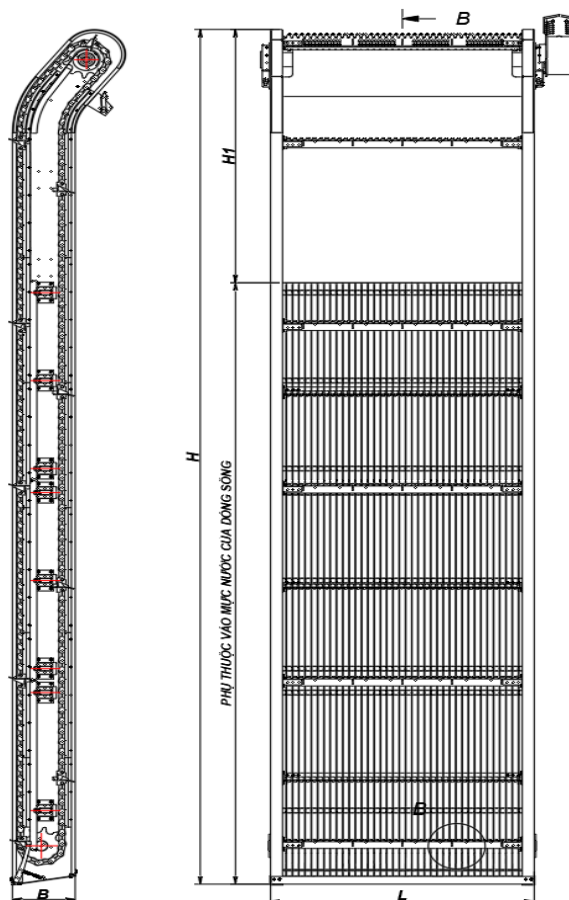
Máy tách rác - Trạm bơm

Công suất (Kw)

Chiều rộng khe lược rác (mm)



HÌNH ẢNH THỰC TẾ- DÀN GẠT BÙN



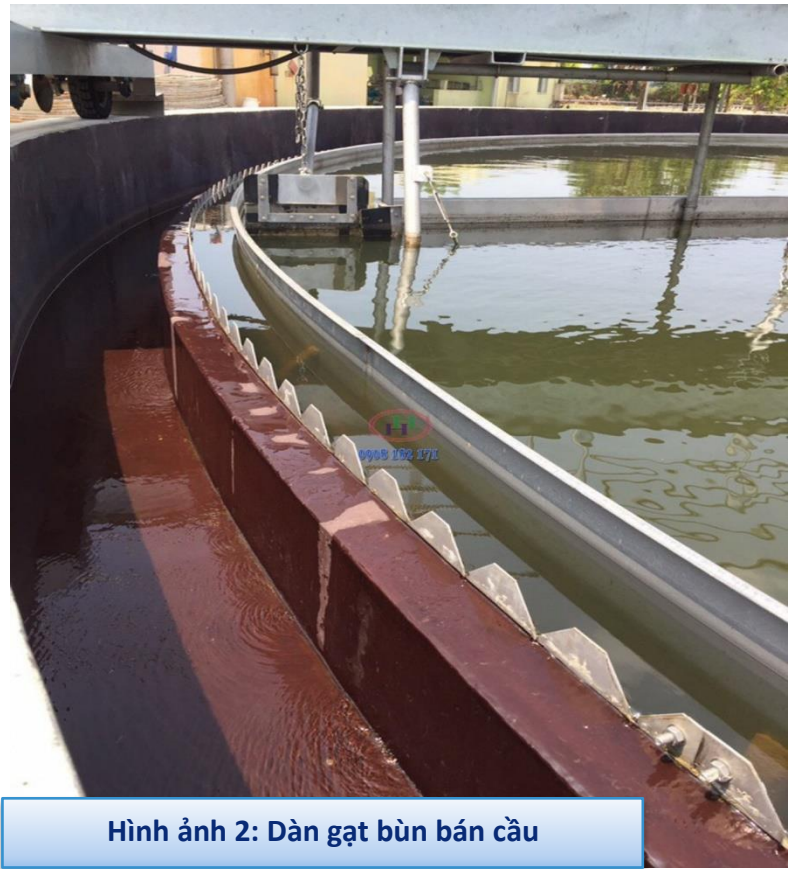
THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Model	Khe hở (mm)	Công suất rác (Kg/giờ)	Công suất motor (Kw)	L	B	H1	H	Vật liệu
SCB-30/2,2	30	500-700	2,2	1800	500-600	2200	6000-10.000	SUS304
SCB-35/2,2	35	700-900	2,2	1900	500-600	2200	6000-10.000	SUS304
SCB-40/2,2	40	900-1100	2,2	2000	500-600	2200	6000-10.000	SUS304
SCB-50/2,2	50	1100-1300	2,2	2100	500-700	2300	6000-10.000	SUS304
SCB-60/2,2	60	1300-1500	2,2	2200	500-700	2300	6000-10.000	SUS304
SCB-30/3,7	30	1500-1700	3,7	2000	500-700	2300	8000-15000	SUS304
SCB-35/3,7	35	1700-1900	3,7	2200	500-700	2300	8000-15000	SUS304
SCB-40/3,7	40	1900-2100	3,7	2400	500-700	2300	8000-15000	SUS304
SCB-50/3,7	50	2100-2300	3,7	2600	600-900	2500	8000-15000	SUS304
SCB-30/4,5	30	2300-2500	4,5	2500	600-1000	2400	10.000-20.000	SUS304
SCB-35/4,5	35	2500-2700	4,5	2700	600-1000	2400	10.000-20.000	SUS304
SCB-40/4,5	40	2700-3000	4,5	2900	600-1000	2400	10.000-20.000	SUS304

*Số liệu trên là thông số thực nghiệm trên nước sạch- Giá trị tham khảo



Hình ảnh 1: Dàn gạt bùn toàn cầu



Hình ảnh 2: Dàn gạt bùn bán cầu



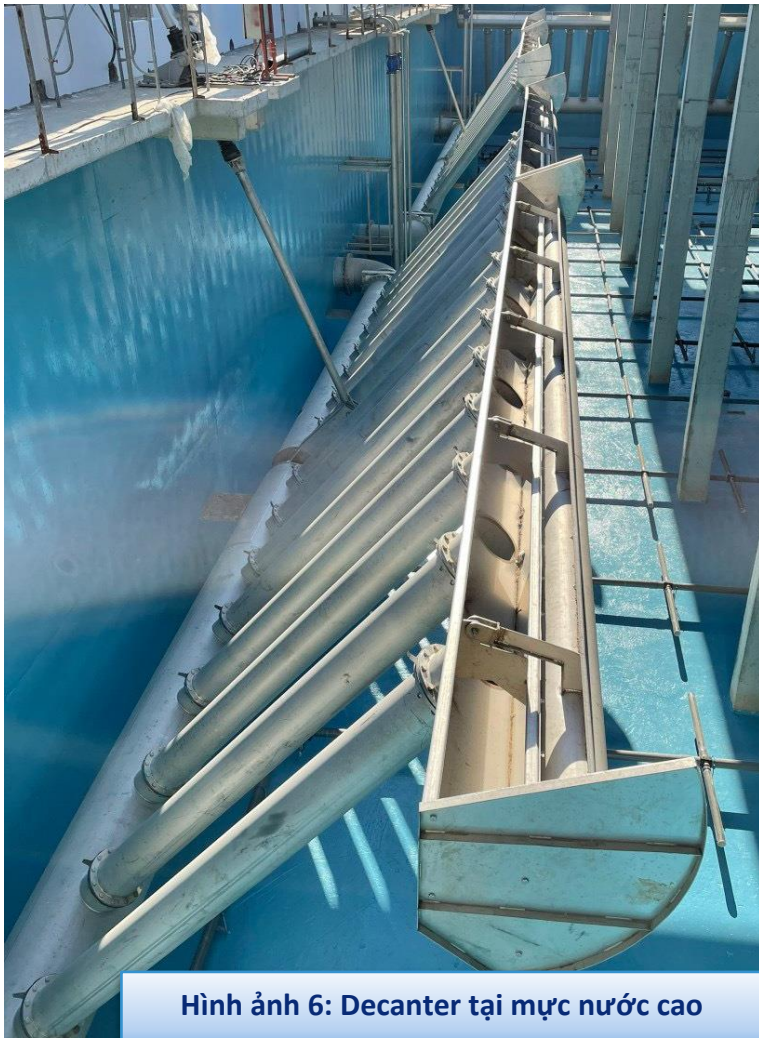
Hình ảnh 3: Dàn gạt bùn bán cầu

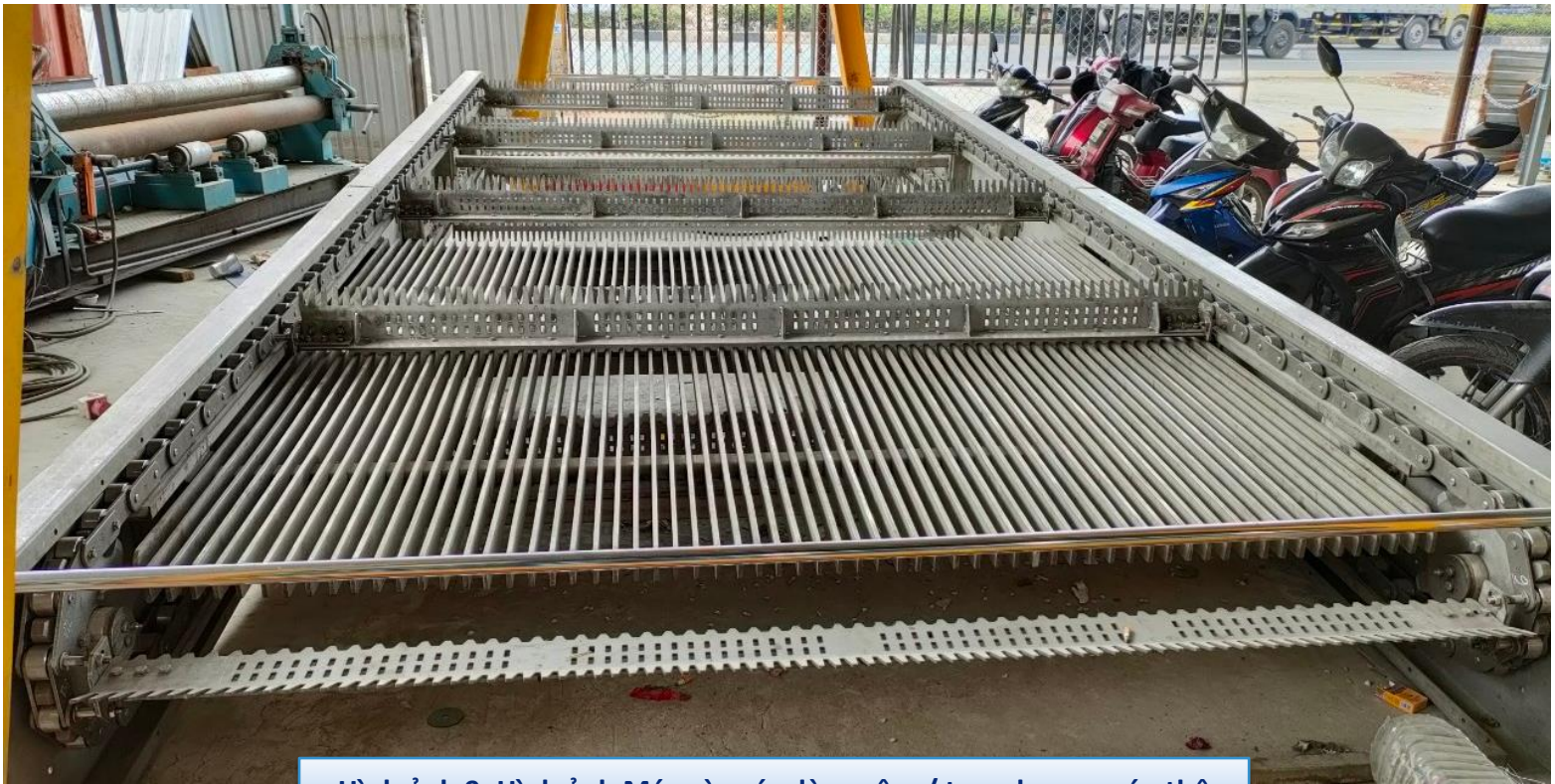


Hình ảnh 4: Dàn gạt bùn bán cầu toàn phần



Hình ảnh 5: Dàn gạt bùn bán cầu toàn phần



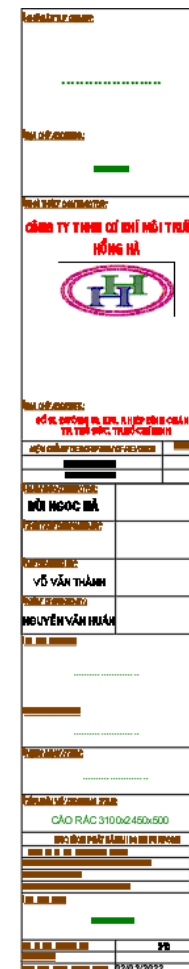


Hình ảnh 9: Hình ảnh Máy cào rác dòng sông/ trạm bơm nước thô

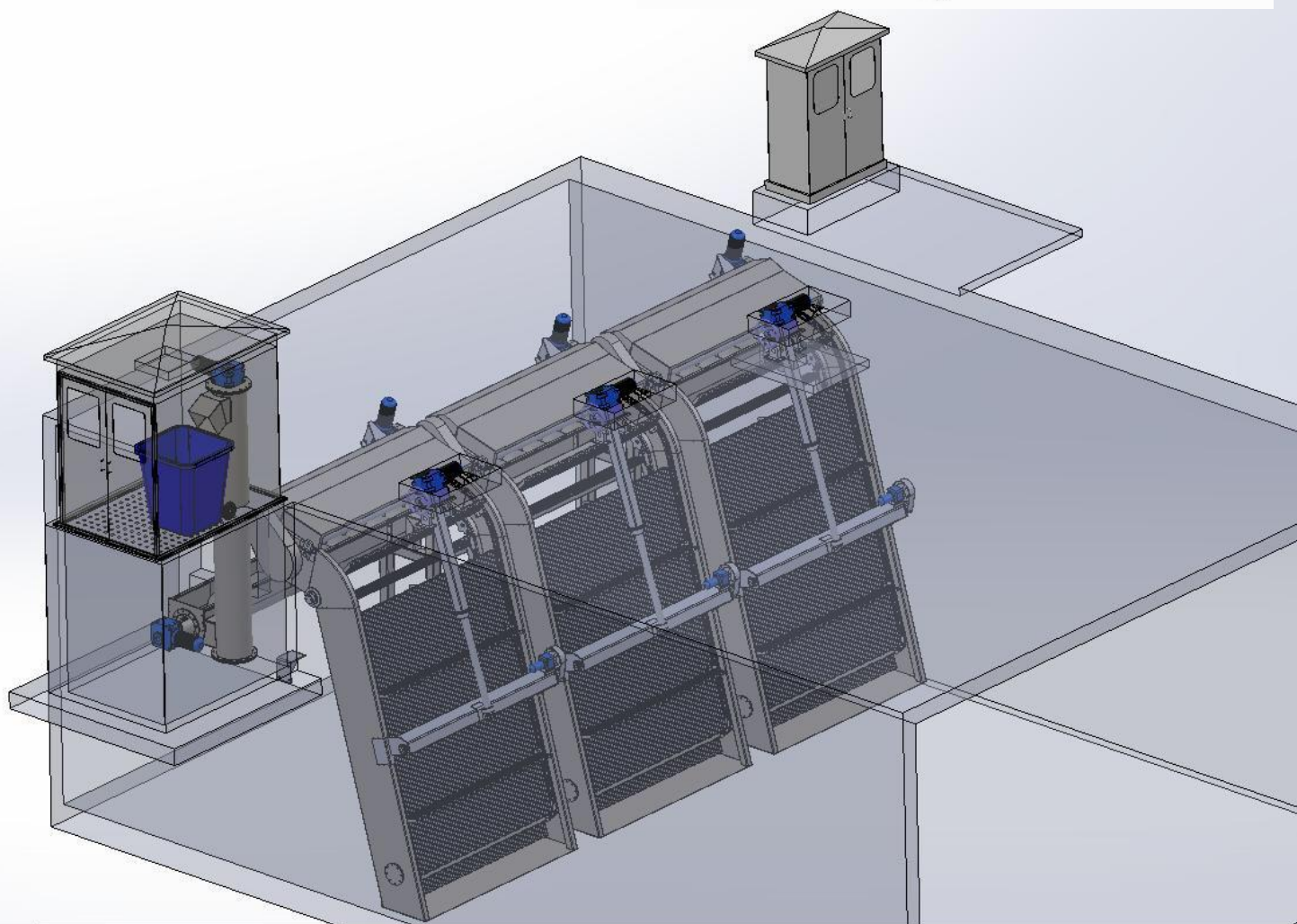
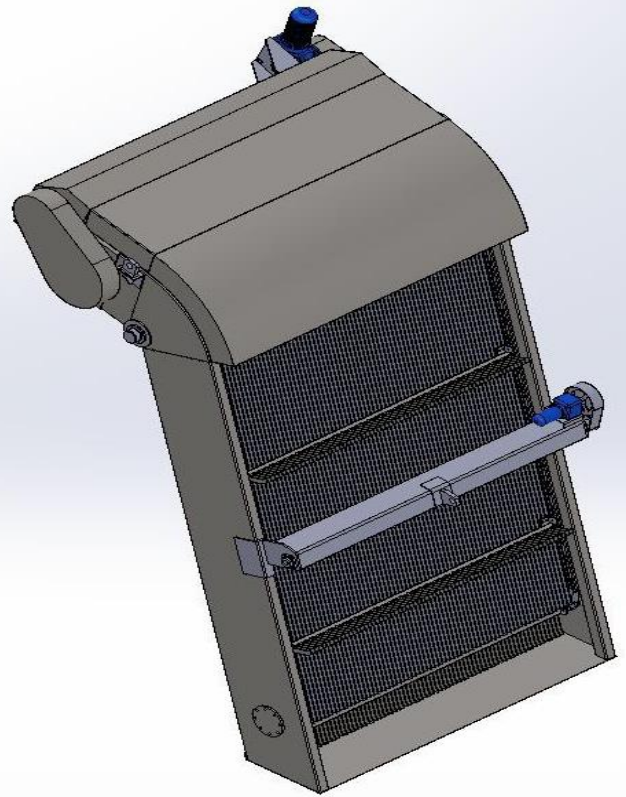
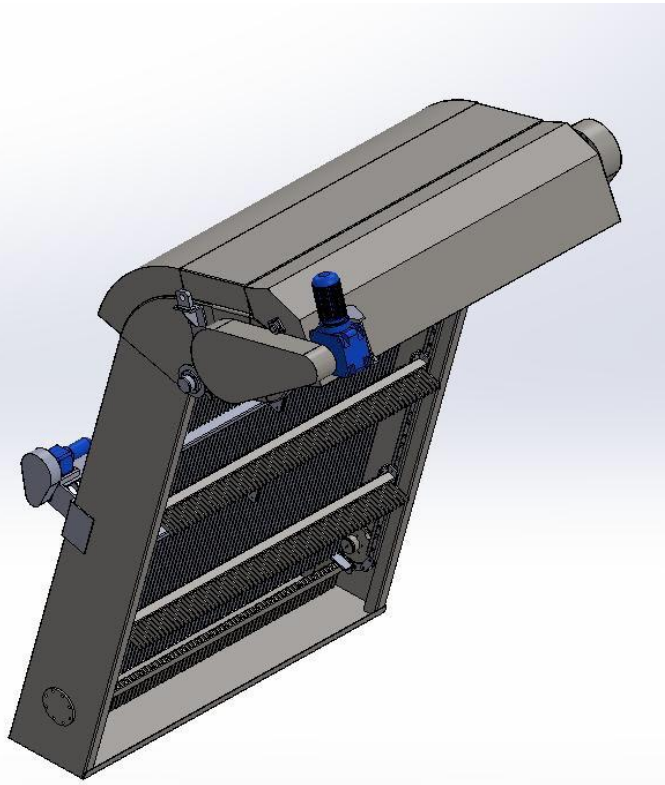




Hình ảnh 10: Hình ảnh Máy cào rác mương dẫn



- MSCT:
- Vật liệu:
- Số lượng: /bộ
- Tỉ lệ: [1 : 50]





KOBELCO COMPRESSORS VIETNAM



Vì cuộc sống chất lượng hơn



TECHGEL®



Continue, to make it sustainable.

METAVATER



VU HOANG
CHEMICALS & ENVIRONMENTS



Cleantech
Engineering & Energy



Website: <http://cokhihongha.com.vn/> - Hotline: 0908182171